

Integer – Số Nguyên \mathbb{Z}

Nguyễn Quân Bá Hồng*

Ngày 21 tháng 12 năm 2022

Tóm tắt nội dung

[EN] This text is a collection of problems, from easy to advanced, about integer. This text is also a supplementary material for my lecture note on Elementary Mathematics grade 6, which is stored & downloadable at the following link: [GitHub/NQBH/hobby/elementary mathematics/grade 6/lecture](https://github.com/NQBH/hobby/elementary-mathematics/grade-6/lecture)¹. The latest version of this text has been stored & downloadable at the following link: [GitHub/NQBH/hobby/elementary mathematics/grade 6/integer](https://github.com/NQBH/hobby/elementary-mathematics/grade-6/integer)².

[VI] Tài liệu này là 1 bộ sưu tập các bài tập chọn lọc từ cơ bản đến nâng cao về số nguyên. Tài liệu này là phần bài tập bổ sung cho tài liệu chính – bài giảng [GitHub/NQBH/hobby/elementary mathematics/grade 6/lecture](https://github.com/NQBH/hobby/elementary-mathematics/grade-6/lecture) của tác giả viết cho Toán Sơ Cấp lớp 6. Phiên bản mới nhất của tài liệu này được lưu trữ & có thể tải xuống ở link sau: [GitHub/NQBH/hobby/elementary mathematics/grade 6/integer](https://github.com/NQBH/hobby/elementary-mathematics/grade-6/integer).

Mục lục

| | | |
|----------|---|-----------|
| 1 | Thứ Tự Trên \mathbb{Z} | 2 |
| 2 | \pm Trên \mathbb{Z} | 2 |
| 3 | $\cdot, :$ Trên \mathbb{Z} | 4 |
| 4 | Tính Chia hết Trên \mathbb{Z} | 4 |
| 5 | Điền Chữ Số | 5 |
| 6 | Dãy Các Số Viết Theo Quy Luật | 7 |
| 6.1 | Dãy cộng | 7 |
| 6.2 | Các dãy khác | 7 |
| 7 | Đếm số | 9 |
| | Tài liệu | 10 |

Số Nguyên

“Tập hợp \mathbb{Z} các số nguyên gồm các số tự nhiên & các số $-1, -2, -3, \dots$ $\mathbb{Z} = \{\dots, -3, -2, -1, 0, 1, 2, 3, \dots\}$. Ta xác định trên \mathbb{Z} 1 thứ tự như sau: $a < b$ khi & chỉ khi điểm a ở bên trái điểm b trên trục số ($a, b \in \mathbb{Z}$). Ta xác định trên \mathbb{Z} 2 phép toán: phép cộng & phép nhân. Phép cộng có 4 tính chất: giao hoán, kết hợp, cộng với số 0, cộng với số đối. Phép nhân có 3 tính chất: giao hoán, kết hợp, nhân với số 1. Giữa phép nhân & phép cộng có quan hệ: phép nhân phân phối đối với phép cộng. Giữa thứ tự & phép toán có quan hệ: $a < b \Rightarrow a + c < b + c$, $a < b \Rightarrow ac < bc$ với $c > 0$, $ac > bc$ với $c < 0$. Trừ đi 1 số là cộng với số đối của số trừ. Phép trừ 2 số nguyên bao giờ cũng thực hiện được³. Phép chia chỉ thực hiện được trong phạm vi số nguyên khi số bị chia chia hết cho số chia. Trong trường hợp $a : b$, ta nói: a là *bội* của b & b là *ước* của a . *Ước chung* (hoặc *bội chung*) của 2 hay nhiều số là ước (hoặc bội) của tất cả các số đó.” – Bình, 2022, Chap. II, p. 41

*Independent Researcher, Ben Tre City, Vietnam

e-mail: nguyenquanbahong@gmail.com; website: <https://nqbh.github.io>.

¹URL: https://github.com/NQBH/hobby/blob/master/elementary-mathematics/grade-6/NQBH_elementary_mathematics_grade_6.pdf.

²URL: https://github.com/NQBH/hobby/blob/master/elementary-mathematics/grade-6/integer/NQBH_integer.pdf.

³Phép trừ 2 số tự nhiên sẽ không thực hiện được (i.e., kết quả không phải là 1 số tự nhiên, hay không còn nằm trong \mathbb{N}) nếu số bị trừ nhỏ hơn số trừ.

1 Thứ Tự Trên \mathbb{Z}

Bài toán 1 (Tuyên, 2022, Ví dụ 38, p. 35). *Viết tập hợp 3 số nguyên liên tiếp trong đó có số 0.*

Phân tích. Có 3 vị trí cho số 0: đầu, giữa, cuối.

Giải. Tập hợp 3 số số nguyên liên tiếp trong đó có số 0: $\{0, 1, 2\}, \{-1, 0, 1\}, \{-2, -1, 0\}$. □

Bài toán 2 (Tuyên, 2022, Ví dụ 39, p. 36). *Cho 3 số nguyên khác nhau $a, b, 0$. Biết a là 1 số âm & $a < b$. Sắp xếp các số đó theo thứ tự tăng dần.*

Giải. Nếu b là số nguyên âm thì $a < b < 0$. Nếu b là số nguyên dương thì $a < 0 < b$. □

Bài toán 3 (Tuyên, 2022, 184., p. 36). *Số nguyên âm lớn nhất có 3 chữ số & số nguyên âm nhỏ nhất có 2 chữ số có phải là 2 số nguyên liên nhau không?*

Giải. Số nguyên âm lớn nhất có 3 chữ số: -100 . Số nguyên âm nhỏ nhất có 2 chữ số: -99 . $-100, -99$ là 2 số nguyên liên nhau/liên tiếp. □

Bài toán 4 (Tuyên, 2022, 185., p. 36). *Tìm các giá trị thích hợp của a, b : (a) $\overline{a00} > -111$; (b) $-\overline{a99} > -600$; (c) $-\overline{cb3} < -\overline{cba}$; (d) $-\overline{cab} < -\overline{c85}$.*

Giải. (a) Có $\overline{a00} > 0 > -111, \forall a \in \{1, 2, \dots, 9\}$. (b) $-\overline{a99} > -600 \Leftrightarrow \overline{a99} < 600 \Leftrightarrow a \in \{1, 2, 3, 4, 5\}$. (c) $-\overline{cb3} < -\overline{cba} \Leftrightarrow \overline{cb3} > \overline{cba} \Rightarrow 3 > a \Rightarrow a \in \{0, 1, 2\}$ (với $b \in \{0, 1, \dots, 9\}, c \in \{1, 2, \dots, 9\}$ tùy ý). (d) $-\overline{cab} < -\overline{c85} \Leftrightarrow \overline{cab} > \overline{c85} \Leftrightarrow \overline{ab} \in \{86, 87, \dots, 99\}$ (với $c \in \{1, 2, \dots, 9\}$ tùy ý). □

Bài toán 5 (Bình, 2022, Ví dụ 48, p. 41). *Cho $a \in \mathbb{Z}$. Gọi khoảng cách từ điểm a đến điểm gốc trên trục số là giá trị tuyệt đối của số a & ký hiệu là $|a|$. Điền vào chỗ trống các dấu $\geq, \leq, >, <, =$ để các khẳng định sau là đúng: (a) $|a| \dots a, \forall a \in \mathbb{Z}$. (b) $|a| \dots 0, \forall a \in \mathbb{Z}$. (c) Nếu $a > 0$ thì $a \dots |a|$. (d) Nếu $a = 0$ thì $a \dots |a|$. (e) Nếu $a < 0$ thì $a \dots |a|$.*

Bài toán 6 (Bình, 2022, 247., p. 42). *Điền vào chỗ trống ... các từ “nhỏ hơn” hoặc “lớn hơn” cho đúng: (a) Mọi số nguyên dương đều ... số 0. (b) Mọi số nguyên âm đều ... số 0. (c) Mỗi số nguyên dương đều ... mọi số nguyên âm. (d) Trong 2 số nguyên dương, số nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn thì số ấy ... (e) Trong 2 số nguyên âm, số nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn thì số ấy ...*

Bài toán 7 (Bình, 2022, 248., p. 42). *Tìm: (a) Số nguyên dương lớn nhất có 2 chữ số. (a) Số nguyên âm lớn nhất có 2 chữ số.*

Bài toán 8 (Bình, 2022, 249., p. 42). *Tính $|b| - |a|$ biết: (a) $a = -3, b = 7$; (b) $a = 5, b = -6$; (c) $a = 5, b = -5$;*

Bài toán 9 (Bình, 2022, 250., p. 42). *Các khẳng định sau có đúng $\forall a, b \in \mathbb{Z}$ hay không? Cho ví dụ. (a) $|a| = |b| \Rightarrow a = b$. (b) $a > b \Rightarrow |a| > |b|$.*

2 ± Trên \mathbb{Z}

“1. Cộng 2 số nguyên cùng dấu. • Muốn cộng 2 số nguyên dương, ta cộng chúng như cộng 2 số tự nhiên. Muốn cộng 2 số nguyên âm, ta cộng 2 số đối của chúng rồi thêm dấu trừ – đằng trước. $(+a) + (+b) = a + b, (-a) + (-b) = -(a + b), \forall a, b \in \mathbb{N}^*$. 2. Cộng 2 số nguyên khác dấu. • Tổng 2 số nguyên đối nhau thì bằng 0: $a + (-a) = a - a = 0, \forall a \in \mathbb{Z}$. • Cộng 2 số nguyên khác dấu không đối nhau: Với 2 số nguyên dương a, b : $\circ a > b \Rightarrow a + (-b) = a - b. \circ a < b \Rightarrow a + (-b) = -(b - a)$. 3. Tính chất của phép cộng 2 số nguyên. Các tính chất của phép cộng trong \mathbb{N} vẫn còn đúng trong \mathbb{Z} . Khi thực hiện cộng nhiều số nguyên ta có thể thay đổi tùy ý thứ tự các số hạng, nhóm các số hạng 1 cách tùy ý. 4. Phép trừ 2 số nguyên. Muốn lấy số nguyên a trừ đi số nguyên b ta cộng a với số đối của b : $a - b = a + (-b), \forall a, b \in \mathbb{Z}$. 5. $a > b \Leftrightarrow a - b > 0, a < b \Leftrightarrow a - b < 0, \forall a, b \in \mathbb{Z}$.” – Tuyên, 2022, Chap. 2, §2, p. 37

Bài toán 10 (Tuyên, 2022, Ví dụ 40, p. 37). *Tính tổng $S = (-351) + (-74) + 51 + (-126) + 149$.*

1st Giải. $S = [(-315) + (-74) + (-126)] + (51 + 149) = -551 + 200 = -351$. □

2nd Giải. $S = [(-351) + 51] + [(-74) + (-126)] + 149 = (-300) + (-200) + 149 = -500 + 149 = -351$. □

Nhận xét 2.1. “Trong 1st Giải, để cộng nhiều số ta cộng số âm với số âm, số dương với số dương rồi cộng 2 kết quả với nhau. Cách này có ưu điểm là đỡ nhầm dấu. Trong 2nd Giải, ta kết hợp từng nhóm có tổng là 1 số tròn trăm. Cách giải này có ưu điểm là có thể nhầm ra kết quả.” – Tuyên, 2022, p. 37

Bài toán 11 (Tuyên, 2022, Ví dụ 41, p. 38). *Với $a, b \in \mathbb{Z}$, chứng minh $a - b$ & $b - a$ là 2 số đối nhau.*

Phân tích. Để chứng minh 2 số đối nhau ta chứng minh tổng của chúng bằng 0.

1st Giải. Có $(a - b) + (b - a) = a - b + b - a = (a - a) + (b - b) = 0 + 0 = 0$. □

2nd Giải. Có $(a - b) + (b - a) = [a + (-b)] + [b + (-a)] = [a + (-a)] + [b + (-b)] = 0 + 0 = 0$. □

Nhận xét 2.2. “Do $a - b$ & $b - a$ là 2 số đối nhau nên nếu biết hiệu $a - b$ thì không cần làm phép trừ ta cũng tính được $b - a$ 1 cách nhanh chóng.” – Tuyên, 2022, p. 38

Bài toán 12 (Tuyên, 2022, 186., p. 38). *Tính nhanh:* (a) $-37 + 54 + (-70) + (-163) + 246$; (b) $-359 + 181 + (-123) + 350 + (-172)$; (c) $-69 + 53 + 46 + (-94) + (-14) + 78$.

Giải. (a) $-37 + 54 + (-70) + (-163) + 246 = (54 + 246) + [(-37) + (-163)] + (-70) = 300 + (-200) + (-70) = 100 - 70 = 30$.
 (b) *Cách 1:* $-359 + 181 + (-123) + 350 + (-172) = (181 + 350) + [-359 + (-172)] + (-123) = 531 + (-531) + (-123) = 0 - 123 = -123$. *Cách 2:* $-359 + 181 + (-123) + 350 + (-172) = (350 - 359) + (181 - 172) - 123 = -9 + 9 - 123 = 0 - 123 = 0$.
 (c) $-69 + 53 + 46 + (-94) + (-14) + 78 = [-69 + (-94) + (-14)] + (53 + 46 + 78) = -177 + 177 = 0$. □

Bài toán 13 (Tuyên, 2022, 187., p. 38). *Tính tổng các số nguyên x biết:* $-17 \leq x \leq 18$.

Giải. $x \in \mathbb{Z} \wedge (-17 \leq x \leq 18) \Leftrightarrow x \in \{-17, -16, \dots, -1, 0, 1, \dots, 18\}$. Tổng của chúng bằng $(-17) + (-16) + \dots + (-1) + 0 + 1 + \dots + 16 + 17 + 18 = (-17 + 17) + (-16 + 16) + \dots + (-1 + 1) + 0 + 18 = 0 + 0 + \dots + 0 + 0 + 18 = 18$. □

Bài toán 14 (Bình, 2022, Ví dụ 49, p. 42). *Tìm $x \in \mathbb{Z}$, biết $10 = 10 + 9 + 8 + \dots + x$, trong đó vế phải là tổng các số nguyên liên tiếp viết theo thứ tự giảm dần.*

Bài toán 15 (Bình, 2022, 251., p. 42). *Tìm tổng của số nguyên âm nhỏ nhất có 1 chữ số & số nguyên dương lớn nhất có 1 chữ số.*

Bài toán 16 (Bình, 2022, 252., p. 42). *Điền vào chỗ trống cho đúng: (a) Số đối của 1 số nguyên âm là 1 số ... (b) 2 số nguyên đối nhau thì có giá trị tuyệt đối ... (c) 2 số nguyên có giá trị tuyệt đối bằng nhau thì ... (d) Số ... thì nhỏ hơn số đối của nó. (e) Nếu $a \dots$ thì $-a > 0$. (f) Nếu $a < 0$ thì $|a| = \dots$ (g) Nếu $a < 0$ thì $a + |a| = \dots$*

Bài toán 17 (Bình, 2022, 253., p. 43). *Tìm $x \in \mathbb{Z}$ biết: (a) $x + 13 = 5$. (b) $x - 1 = -9$. (c) $25 - |x| = 10$. (d) $|x - 2| + 7 = 12$. (e) $x + 4$ là số nguyên dương nhỏ nhất. (f) $10 - x$ là số nguyên âm lớn nhất.*

Bài toán 18 (Bình, 2022, 254., p. 43). (a) Cho bảng vuông 3×3 ô:

| | | |
|----|---|----|
| -8 | 7 | |
| 5 | | 9 |
| | 5 | -6 |

Điền số vào các ô trống sao cho tổng các số ở 3 dòng 1,2,3 lần lượt bằng -5, 11, 1. Tính tổng các số ở mỗi cột.

(b) Cho bảng vuông 3×3 ô. Có thể điền được hay không 9 số nguyên vào 9 ô của bảng sao cho tổng các số ở 3 dòng lần lượt bằng 5, -3, 2 & tổng các số ở 3 cột lần lượt bằng -1, 2, 2?

Bài toán 19 (Bình, 2022, 255., p. 43). (a) Có 10 ô liên tiếp trong đó ô đầu tiên ghi số 6, ô thứ 8 ghi số -4. Điền số vào các ô trống để tổng 3 số ở 3 ô liên nhau bằng 0. (b) 1 bảng vuông 4×4 ô có 2 ô ở góc trên ghi số -3 & 2. Điền số vào các ô còn lại, sao cho tổng 2 số ở 2 ô liên nhau thì bằng nhau (2 ô liên nhau là 2 ô có 1 cạnh chung).

Bài toán 20 (Bình, 2022, 256., p. 43). *Tìm $x \in \mathbb{Z}$ biết $x + (x + 1) + (x + 2) + \dots + 19 + 20 = 20$, trong đó vế trái là tổng các số nguyên liên tiếp viết theo thứ tự tăng dần.*

Bài toán 21 (Bình, 2022, 257., p. 43). *Tìm các số nguyên a sao cho: (a) $a > -a$. (b) $a = -a$. (c) $a < -a$.*

Bài toán 22 (Bình, 2022, 258., p. 43). *Tìm $a, b, c \in \mathbb{Z}$ biết: $a + b = 11$, $b + c = 3$, $c + a = 2$.*

Bài toán 23 (Bình, 2022, 259., p. 43). *Tìm $a, b, c, d \in \mathbb{Z}$ biết $a + b + c + d = 1$, $a + c + d = 2$, $a + b + d = 3$, $a + b + c = 4$.*

Bài toán 24 (Bình, 2022, 260., p. 43). *Cho $\sum_{i=1}^{51} x_i = x_1 + x_2 + \dots + x_{50} + x_{51} = 0$ & $x_1 + x_2 = x_3 + x_4 = \dots = x_{47} + x_{48} = x_{49} + x_{50} = x_{50} + x_{51} = 1$. Tính x_{50} .*

3 ., : Trên \mathbb{Z}

Bài toán 25 (Bình, 2022, Ví dụ 50, p. 43). (a) Cho bảng vuông 3×3 ô:

| | | |
|----|----|----|
| 5 | 2 | -4 |
| -2 | -4 | -3 |
| -6 | 5 | 7 |

Tìm tích các số ở mỗi dòng, tích các số ở mỗi cột.

(b) Viết 9 số nguyên khác 0 vào 1 bảng vuông 3×3 . Biết tích các số ở mỗi dòng đều là số âm. Chứng minh luôn luôn tồn tại 1 cột mà tích các số trong cột ấy là số âm.

Bài toán 26 (Bình, 2022, Ví dụ 51, p. 44). Thay các dấu \star trong biểu thức $1 \star 2 \star 3$ bằng các phép tính $+$, $-$, \cdot , $:$. \mathcal{E} thêm các dấu ngoặc để được kết quả là: số lớn nhất, số nhỏ nhất.

Bài toán 27 (Bình, 2022, 261., p. 44). Thực hiện các phép tính sau 1 cách nhanh chóng: (a) $(-14) \cdot (-125) \cdot 3 \cdot (-8)$; (b) $(-127) \cdot 57 + (-127) \cdot 43$; (c) $(-13) \cdot 34 - 87 \cdot 34$; (d) $(-25) \cdot 68 + (-34) \cdot (-250)$; (e) $A = 1 - 2 + 3 - 4 + \dots + 99 - 100$; (f) $B = 1 + 3 - 5 - 7 + 9 + 11 - \dots - 397 - 399$; (g) $C = 1 - 2 - 3 + 4 + 5 - 6 - 7 + \dots + 97 - 98 - 99 + 100$; (h) $D = 2^{200} - 2^{99} - 2^{98} - \dots - 2^2 - 2 - 1$.

Bài toán 28 (Bình, 2022, 262., p. 44). Thay các dấu \star trong biểu thức $1 \star 2 \star 3 \star 4$ bằng dấu các phép tính $+$, $-$, \cdot , $:$. \mathcal{E} thêm các dấu ngoặc để được kết quả là: số lớn nhất, số nhỏ nhất.

Bài toán 29 (Bình, 2022, 263., p. 44). Tìm $x \in \mathbb{Z}$ sao cho: (a) $(x - 1)^2 = 0$; (b) $x(x - 1) = 0$; (c) $(x + 1)(x - 2) = 0$.

Bài toán 30 (Bình, 2022, 264., p. 44). Cho dãy số a_1, a_2, \dots, a_{100} trong đó $a_1 = 1$, $a_2 = -1$, $a_k = a_{k-2}a_{k-1}$, $k \in \mathbb{N}$, $k \geq 3$. Tính a_{100} .

Bài toán 31 (Bình, 2022, 265., p. 44). Gọi a, b, c, d, e, f, g, h là các số khác nhau trong tập hợp số $\{-7, -5, -3, -2, 2, 4, 6, 13\}$. Tính giá trị lớn nhất của biểu thức $A = (a + b + c + d)^2 + (e + f + g + h)^2$.

4 Tính Chia hết Trên \mathbb{Z}

Bài toán 32 (Bình, 2022, Ví dụ 52, p. 44). Số 36 chia cho $a \in \mathbb{Z}$ rồi trừ đi a . Lấy kết quả này chia cho a rồi trừ đi a . Lại lấy kết quả này chia cho a rồi trừ đi a . Cuối cùng ta được số $-a$. Tìm a . Ans: 3.

Bài toán 33 (Bình, 2022, 266., p. 45). Tìm $x, y \in \mathbb{Z}$ biết: (a) $(x + 2)(y - 3) = 5$; (b) $(x + 1)(xy - 1) = 3$.

Bài toán 34 (Bình, 2022, 267., p. 45). Tính tổng $A + B$ biết A là tổng các số nguyên âm lẻ có 2 chữ số, B là tổng các số nguyên dương chẵn có 2 chữ số.

Bài toán 35 (Bình, 2022, 268., p. 45). Cho $A = 2 - 5 + 8 - 11 + 14 - 17 + \dots + 98 - 101$. (a) Viết dạng tổng quát của số hạng thứ n của A . (b) Tính giá trị của biểu thức A .

Bài toán 36 (Bình, 2022, 269., p. 45). Cho $A = 1 + 2 - 3 - 4 + 5 + 6 - \dots - 99 - 100$. (a) A có chia hết cho 2, cho 3, cho 5 hay không? (b) A có bao nhiêu ước nguyên, có bao nhiêu ước tự nhiên?

Bài toán 37 (Bình, 2022, 270., p. 45). Cho dãy số $1, -3, 5, -7, 9, -11, 13, -15, 17, -19$. Có thể tìm được hay không 5 số trong các số trên, sao cho đặt dấu “+” hoặc “-” nối các số đó với nhau, ta được kết quả bằng: (a) 15; (b) 20?

Bài toán 38 (Bình, 2022, 271., p. 45). Thay các dấu \star trong biểu thức $1 \star 2 \star 3 \star 4 \star 5 \star 6 \star 7 \star 8 \star 9$ bởi các dấu “+” hoặc “-” để giá trị của biểu thức bằng: (a) -13 ; (b) -4 ?

Bài toán 39 (Bình, 2022, 272., p. 45). Tìm $n \in \mathbb{Z}$ sao cho: (a) $n + 5 : n - 2$; (b) $2n + 1 : n - 5$; (c) $n^2 + 3n - 13 : n + 3$; (d) $n^2 + 3 : n - 1$.

Bài toán 40 (Bình, 2022, 273., p. 45). Tìm các số a, b, c, d, m khác nhau thuộc tập hợp $\{-2, -1, 0, 1, 2\}$ sao cho $a < b < \min\{c, d\}$, với $\min\{c, d\}$ là số nhỏ hơn trong 2 số c, d , \mathcal{E} đặt m nằm ở trung tâm, các số a, b, c, d lần lượt nằm ở bên trái, bên trên, bên phải, bên dưới của m , \mathcal{E} tổng của 3 số trên đường nằm ngang bằng tổng của 3 số trên đường thẳng đứng.

Bài toán 41 (Bình, 2022, 274.* , p. 45). Cho n số nguyên (có thể có số âm) với $n > 1$ mà tổng \mathcal{E} tích của chúng đều bằng 505. Tìm giá trị nhỏ nhất của n .

5 Điền Chữ Số

“Các bài toán về điền chữ số không chỉ yêu cầu kỹ năng tính toán đúng mà còn đòi hỏi cả lập luận chính xác & hợp lý. Ta quy ước rằng khi ở đề bài cho các chữ a, b, c, \dots mà không chú thích gì thêm, ta hiểu rằng các chữ khác nhau biểu thị các chữ số khác nhau.” – Bình, 2022, p. 46

Bài toán 42 (Bình, 2022, Ví dụ 53, p. 46). Thay các chữ bởi các chữ số thích hợp: $\overline{abc} + \overline{acb} = \overline{bca}$.

Bài toán 43 (Bình, 2022, Ví dụ 54, p. 46). Tìm các chữ số a, b, c biết tổng $a + b + c$ bằng tổng của 4 số chẵn liên tiếp & các chữ số a, b, c thỏa mãn cả 2 phép trừ sau: $\overline{abc} - \overline{cba} = 99$ & $\overline{bac} - \overline{abc} = 270$.

Bài toán 44 (Bình, 2022, Ví dụ 55, p. 46). Thay các dấu $*$ bằng các chữ số thích hợp trong phép chia:

$$\begin{array}{r} \text{A} \quad * * * * * \\ \text{B} \quad * * * \\ \text{C} \quad 0 \ 0 \ 0 \ * \ * \\ \hline \quad \quad \quad * \ * \\ \quad \quad \quad 0 \ 0 \end{array} \quad \begin{array}{r} * \ * \\ * \ * \ 8 \\ \hline \end{array}$$

Bài toán 45 (Bình, 2022, Ví dụ 56, p. 47). Thay các chữ a, b, c bằng các chữ số khác nhau thích hợp trong phép nhân sau: $\overline{ab} \cdot \overline{cc} \cdot \overline{abc} = \overline{abcabc}$.

Bài toán 46 (Bình, 2022, Ví dụ 57, p. 47). Tìm số tự nhiên có 3 chữ số, biết trong 2 cách viết: viết thêm chữ số 5 vào đằng sau số đó hoặc viết thêm chữ số 1 vào đằng trước số đó thì cách viết thứ nhất cho số lớn gấp 5 lần so với cách viết thứ 2.

Bài toán 47 (Bình, 2022, Ví dụ 58, p. 48). Điền các chữ số thích hợp vào các chữ trong phép nhân sau: $\overline{2abcdmn} = \overline{cdmnab}$.

Bài toán 48 (Bình, 2022, Ví dụ 59, p. 48). Điền các chữ số thích hợp vào các dấu $*$ trong phép nhân sau: $\overline{***} \cdot \overline{***} = \overline{***}$ biết cả 2 thừa số đều chẵn & tích là số có 3 chữ số như nhau.

Bài toán 49 (Bình, 2022, Ví dụ 60, p. 48). Tìm các chữ số a & b , biết $900 : (a + b) = \overline{ab}$.

Bài toán 50 (Bình, 2022, Ví dụ 61, p. 49). Chứng minh không thể thay các chữ bằng các chữ số để có phép tính đúng: (a) $\text{HQC VUI} - \text{VUI HQC} = 1991$; (b) $\text{TOÁN} + \text{LÝ} + \text{SỬ} + \text{VẼ} = 1992$.

Thay các dấu $*$ & các chữ bởi các số thích hợp:

Bài toán 51 (Bình, 2022, 275., p. 49). $\overline{ab} + \overline{bc} + \overline{ca} = \overline{abc}$.

Bài toán 52 (Bình, 2022, 276., p. 49). (a) $\overline{abc} + \overline{ab} + a = 874$; (b) $\overline{abc} + \overline{ab} + a = 1037$.

Bài toán 53 (Bình, 2022, 277., p. 49). (a) $\overline{acc} \cdot b = \overline{dba}$ biết a là chữ số lẻ; (b) $\overline{ac} \cdot \overline{ac} = \overline{acc}$; (c) $\overline{ab} \cdot \overline{ab} = \overline{acc}$.

Bài toán 54 (Bình, 2022, 278., p. 49). (a) $21\overline{bac} = \overline{abc8}$; (b) $\overline{ab} = 9b$.

Bài toán 55 (Bình, 2022, 279., p. 49). $4\overline{abcdef} = \overline{fabcde}$ & $\overline{abcde} + f = 15390$.

Bài toán 56 (Bình, 2022, 280., p. 49). $\overline{abc} - \overline{ca} = \overline{ca} - \overline{ac}$.

Bài toán 57 (Bình, 2022, 281., p. 49). $\overline{abcd} + \overline{abc} = 3576$.

Bài toán 58 (Bình, 2022, 282., p. 49). $\overline{abcd0} - \overline{abcd} = \overline{3462*}$.

Bài toán 59 (Bình, 2022, 283., p. 49). Thay các dấu $*$ bởi các số thích hợp:

$$\begin{array}{r} * \ * \ * \ * \\ \times \quad * \ * \\ \hline * \ * \ * \ * \\ * \ * \ * \ 7 \\ \hline * \ * \ * \ * \end{array}$$

biết số bị nhân có tổng các chữ số bằng 18 & không đổi khi đọc từ phải sang trái.

Bài toán 60 (Bình, 2022, 284., p. 49). (a) $\overline{ab} \cdot b = \overline{1ab}$; (b) $\overline{abc} = 9\overline{bc}$.

Bài toán 61 (Bình, 2022, 285., p. 50). $\overline{260abc} : \overline{abc} = 626$.

Bài toán 81 (Bình, 2022, 305., p. 51). (a) Tìm số tự nhiên có 4 chữ số, biết rằng chữ số hàng trăm bằng 0 và nếu xóa chữ số 0 đó thì số ấy giảm 9 lần. (b) 1 số tự nhiên tăng gấp 9 lần nếu viết thêm 1 chữ số 0 vào giữa các chữ số hàng chục và hàng đơn vị của nó. Tìm số ấy.

Bài toán 82 (Bình, 2022, 306., p. 51). Tìm $A \in \mathbb{N}$, biết rằng nếu xóa 1 hoặc nhiều chữ số tận cùng của nó thì được số B mà $A = 130B$.

Bài toán 83 (Bình, 2022, 307*, p. 51). Tìm $x \in \mathbb{N}$ có chữ số tận cùng bằng 2, biết rằng $x, 2x, 3x$ đều là các số có 3 chữ số và 9 chữ số của 3 số đó đều khác nhau và khác 0.

Bài toán 84 (Bình, 2022, 308*, p. 51). Tìm $x \in \mathbb{N}$ có 6 chữ số, biết rằng các tích $2x, 3x, 4x, 5x, 6x$ cũng là số có 6 chữ số gồm cả 6 chữ số ấy. (a) Cho biết 6 chữ số của số phải tìm là 1, 2, 4, 5, 7, 8. (b) Giải bài toán nếu không cho điều kiện (a).

6 Dãy Các Số Viết Theo Quy Luật

6.1 Dãy cộng

“Xét các dãy số sau: (a) Dãy số tự nhiên: $0, 1, 2, 3, \dots$; (b) Dãy số lẻ: $1, 3, 5, 7, \dots$; (c) Dãy các số chia cho 3 dư 1: $1, 4, 7, 10, \dots$. Trong các dãy số trên, mỗi số hạng, kể từ số hạng thứ 2, đều lớn hơn số hạng đứng liền trước nó cùng 1 đơn vị, số đơn vị này là 1 ở dãy (a), là 2 ở dãy (b), là 3 ở dãy (c). Ta gọi các dãy trên là *dãy cộng*.”

Xét dãy cộng $4, 7, 10, 13, 16, 19, \dots$. Hiệu giữa 2 số liên tiếp của dãy là 3. Số hạng thứ 6 của dãy này là 19, bằng: $4 + (6 - 1) \cdot 3$; số hạng thứ 10 của dãy này là $4 + (10 - 1) \cdot 3 = 31$. Tổng quát, nếu 1 dãy cộng có số hạng đầu là a_1 & hiệu giữa 2 số hạng liên tiếp là d thì số hạng thứ n của dãy cộng đó (ký hiệu a_n) bằng: $a_n = a_1 + (n - 1)d, \forall n \in \mathbb{N}^*$. Để tính tổng các số hạng của dãy cộng $4 + 7 + 10 + \dots + 25 + 28 + 31$ (gồm 10 số) ta viết: $A = 4 + 7 + 10 + \dots + 25 + 28 + 31, A = 31 + 28 + 25 + \dots + 10 + 7 + 4$ nên $2A = (4 + 31) + (7 + 28) + \dots + (28 + 7) + (31 + 4) = (4 + 31) \cdot 10$. Do đó $A = \frac{(4+31) \cdot 10}{2} = 175$.

Tổng quát, nếu 1 dãy cộng có n số hạng, số hạng đầu là a_1 , số hạng cuối là a_n thì tổng của n số hạng đó được tính như sau: $S = \frac{(a_1 + a_n) \cdot n}{2}$. Quy tắc dân gian: dĩ đầu, cộng vĩ, chiết bán, nhân chi (lấy số đầu cộng với số cuối, chia đôi, nhân với số số hạng). Trường hợp đặc biệt, tổng của n số tự nhiên liên tiếp bắt đầu từ 1 bằng: $\sum_{i=1}^n i = 1 + 2 + \dots + n = \frac{1}{2}n(n + 1)$. – Bình, 2022, Chuyên đề 2, pp. 51–52 (Cho $a_1 = 1, a_n = n$ trong công thức $S = \frac{1}{2}n(a_1 + a_n)$.)

Định nghĩa 6.1 (Dãy cộng). Dãy cộng là dãy có dạng $\{a + nb\}_{n=0}^\infty = a, a + b, a + 2b, a + 3b, \dots$, với $a, b \in \mathbb{N}, b \neq 0$.

Trong các dãy số cộng, mỗi số hạng, kể từ số hạng thứ 2, đều lớn hơn số hạng đứng trước nó cùng 1 số đơn vị là b .

Ví dụ 6.1. (a) $a = 0, b = 1$, dãy $\{a + nb\}_{n=0}^\infty = \{n\}_{n=0}^\infty = \mathbb{N} = 0, 1, 2, 3, \dots$ là dãy các số tự nhiên. (b) $a = 1, b = 2$, dãy $\{a + nb\}_{n=0}^\infty = \{1 + 2n\}_{n=0}^\infty = 1, 3, 5, 7, \dots$ là dãy các số tự nhiên lẻ. (c) $a = 0, b = 2$, $\{a + nb\}_{n=0}^\infty = \{2n\}_{n=0}^\infty = 0, 2, 4, 6, \dots$ là dãy các số tự nhiên chẵn. (d) Với $b \in \mathbb{N}^*, b \geq 2, a \in \mathbb{N}, a < b$, dãy $\{a + nb\}_{n=0}^\infty$ là dãy các số tự nhiên chia cho b dư a .

Bài toán 85 (Bình, 2022, Ví dụ 62, p. 52). Bạn Lâm đánh số trang 1 cuốn sách dày 284 trang bằng dãy số chẵn 2, 4, 6, 8, ... (a) Biết mỗi chữ số viết mất 1 giây. Hỏi bạn Lâm cần bao nhiêu phút để đánh số trang cuốn sách? (b) Chữ số thứ 300 mà bạn Lâm viết là chữ số nào?

Bài toán 86 (Bình, 2022, Ví dụ 63*, p. 52). Tìm $n \in \mathbb{N}$ lớn nhất để tích các số tự nhiên từ 1 đến 1000 chia hết cho 5^n .

“Tổng quát: Số thừa số a khi phân tích $n! = \prod_{i=1}^n i = 1 \cdot 2 \cdot 3 \cdot \dots \cdot n$ ra thừa số nguyên tố là: $\sum_{i=1}^k \lfloor \frac{n}{a^i} \rfloor = \lfloor \frac{n}{a} \rfloor + \lfloor \frac{n}{a^2} \rfloor + \dots + \lfloor \frac{n}{a^k} \rfloor$ với k là số mũ lớn nhất sao cho $a^k \leq n$. Ký hiệu $\lfloor \frac{n}{m} \rfloor$ là số tự nhiên lớn nhất không vượt quá $\frac{n}{m}$ (nếu $n : m$ thì $\lfloor \frac{n}{m} \rfloor$ là thương đúng, nếu $n \not\vdots m$ thì $\lfloor \frac{n}{m} \rfloor$ là thương hụt, ta gọi $\lfloor \frac{n}{m} \rfloor$ là phần nguyên của $\frac{n}{m}$).” – Bình, 2022, p. 53

Bài toán 87 (Bình, 2022, Ví dụ 64, p. 53). Có bao nhiêu số tự nhiên chia hết cho 13 trong dãy $111, 1111, \dots, \underbrace{1 \dots 1}_{1993 \text{ số}}$.

6.2 Các dãy khác

Bài toán 88 (Bình, 2022, Ví dụ 65, p. 53). Tìm số hạng thứ 100 của các dãy được viết theo quy luật: (a) $3, 8, 15, 24, 35, \dots$; (b) $3, 24, 63, 120, 195, \dots$; (c) $1, 3, 6, 10, 15, \dots$; (d) $1, 2, 4, 7, 11$; (e) $2, 5, 10, 17, 26, \dots$

Hint. 2 số hạng đầu của các dãy trên có thể viết dưới dạng: dãy (a): $1 \cdot 3, 2 \cdot 4$; dãy (b): $1 \cdot 3, 4 \cdot 6$; dãy (c): $\frac{1 \cdot 2}{2}, \frac{2 \cdot 3}{2}$; (d) dãy (e): $1 + 1^2, 1 + 2^2$.

Bài toán 89 (Bình, 2022, Ví dụ 66, p. 54). (a) Tính tổng $A = \sum_{i=1}^{98} i(i + 1) = 1 \cdot 2 + 2 \cdot 3 + 3 \cdot 4 + \dots + 98 \cdot 99$. (b) Sử dụng kết quả của (a), tính $B = \sum_{i=1}^{98} i^2 = 1^2 + 2^2 + 3^2 + \dots + 97^2 + 98^2$.

Tổng quát:

$$\sum_{i=1}^n i^2 = 1^2 + 2^2 + 3^2 + \dots + n^2 = \frac{n(n+1)(n+2)}{3} - \frac{n(n+1)}{2} = \frac{n(n+1)(2n+1)}{6}, \quad \forall n \in \mathbb{N}^*.$$

Bài toán 90 (Bình, 2022, 309., p. 55). *Tìm chữ số thứ 1000 khi viết liên tiếp liền nhau các số hạng của dãy số lẻ 1, 3, 5, 7, ...*

Bài toán 91 (Bình, 2022, 310., p. 55). (a) *Tính tổng các số lẻ có 2 chữ số.* (b) *Tính tổng các số chẵn có 2 chữ số.*

Bài toán 92 (Bình, 2022, 311., p. 55). *Có số hạng nào của dãy sau tận cùng bằng 2 hay không? 1, 1+2, 1+2+3, 1+2+3+4, ...*

Bài toán 93 (Bình, 2022, 312., p. 55). (a) *Viết liên tiếp các số hạng của dãy số tự nhiên từ 1 đến 100 tạo thành 1 số A. Tính tổng các chữ số của A.* (b) *Cũng hỏi như trên nếu viết từ 1 đến 1000000.*

Bài toán 94 (Bình, 2022, 313., p. 55). *Có n em bé được nhận quà. Cô giáo đã xếp cho các em đứng thành 1 hàng ngang, có số tuổi nhỏ dần kể từ trái sang phải. Lần lượt từ trái sang phải em thứ nhất được 1 chiếc, em thứ 2 được 2 chiếc, cứ như vậy em nhận sau được chia nhiều hơn em nhận trước 1 chiếc kẹo. Đến lượt chia thứ 2, cô giao cũng chia kẹo từ trái sang phải sao cho em nhận sau được chia nhiều hơn em nhận trước 1 chiếc kẹo (lưu ý: ở lượt thứ 2 thì em thứ nhất nhận không phải 1 chiếc kẹo mà là n + 1 chiếc kẹo). Tính n biết số kẹo chia ở lượt thứ 2 nhiều hơn số kẹo chia ở lượt thứ nhất là 36 chiếc.*

Bài toán 95 (Bình, 2022, 314., p. 55). *Bạn A viết dãy số tự nhiên như sau: 3, 4, 5, ..., 345 (1). Bạn B thay mỗi số của dãy (1) bởi tổng các chữ số của nó & được dãy (2). Bạn C thay mỗi số của dãy (2) bởi tổng các chữ số của nó & được dãy (3). Bạn D thay mỗi số của dãy (3) bởi tổng các chữ số của nó & được dãy (4). (a) Chứng tỏ chỉ có dãy (4) mới có mọi số hạng đều là số có 1 chữ số.* (b) *Số nào xuất hiện nhiều nhất ở dãy (4)?*

Bài toán 96 (Bình, 2022, 315., p. 55). (a) *Khi phân tích ra thừa số nguyên tố, số 1000! chứa thừa số nguyên tố 7 với số mũ bằng bao nhiêu?* (b) *Tích A = 500! tận cùng bằng bao nhiêu chữ số 0?*

Bài toán 97 (Bình, 2022, 316., p. 55). (a) *Tích B = 38 · 39 · 40 · ... · 74 có bao nhiêu thừa số 2 khi phân tích ra thừa số nguyên tố?* (b) *Tích C = 31 · 32 · 33 · ... · 90 có bao nhiêu thừa số 3 khi phân tích ra thừa số nguyên tố?*

Bài toán 98 (Bình, 2022, 317., p. 55). *2 con châu chấu cùng nhảy 1 lúc từ 1 chỗ & về cùng 1 phía. Khi con I nhảy 1 bước thì con II cũng nhảy 1 bước. Con I nhảy mỗi bước dài 4m. Con II nhảy bước thứ nhất dài 1m, mỗi bước sau tăng hơn so với bước liền trước 1m cho đến khi đuổi kịp con I. Hỏi sau bao nhiêu bước nhảy thì con II đuổi kịp con I?*

Bài toán 99 (Bình, 2022, 318., p. 56). *Cho 3 dãy các số tự nhiên liên tiếp: 1, 2, 3, ..., 95, 96, 97; 1, 2, 3, ..., 95, 96; 1, 2, 3, ..., 95. Trong dãy nào có thể chia các số của dãy thành 2 nhóm để tổng các số trong mỗi nhóm bằng nhau?*

Bài toán 100 (Bình, 2022, 319., p. 56). (a) *Viết số hạng thứ n của dãy 1, 4, 7, 10, 13, ...;* (b) *Viết 2 số hạng tiếp theo của dãy 1, 3, 2, 6, 3, 9, 4, 12, 5, ...;* (c) *Viết số hạng thứ n của dãy 1, 2, 4, 7, 11, ...*

Bài toán 101 (Bình, 2022, 320., p. 56). *Có bao nhiêu số tự nhiên đồng thời là các số hạng của cả 2 dãy sau: 3, 7, 11, 15, ..., 407 & 2, 9, 16, 23, ..., 709.*

Bài toán 102 (Bình, 2022, 321., p. 56). *Cho 1 dãy gồm 30 số chẵn liên tiếp tăng dần có tổng bằng 1470. Tìm số hạng đầu & số hạng cuối của dãy.*

Bài toán 103 (Bình, 2022, 322., p. 56). (a) *Tính tổng của n số lẻ liên tiếp bắt đầu từ 1.* (b) *Xếp các hộp thành hàng, hàng thứ nhất có 1 hộp, hàng thứ 2 có 3 hộp, hàng thứ 3 có 5 hộp, etc., sao cho các hộp ở giữa mỗi hàng tạo thành 1 cột. Có tất cả bao nhiêu hộp từ hàng thứ nhất tới hàng thứ 10? Có tất cả bao nhiêu hộp từ hàng thứ nhất tới hàng thứ n, n ∈ ℕ*?*

Bài toán 104 (Bình, 2022, 323., p. 56). *Trong dãy số 1, 2, 3, ..., 1990, có thể chọn được nhiều nhất bao nhiêu số để tổng 2 số bất kỳ được chọn chia hết cho 38?*

Bài toán 105 (Bình, 2022, 324., p. 56). *1 đồng hồ reo chuông vào các thời điểm sau: 4:10, 5:20, 6:40, 8:10, ... Theo quy luật trên, đồng hồ reo chuông lần tiếp theo vào lúc nào?*

Bài toán 106 (Bình, 2022, 325., p. 56, Theo nội dung bài toán bò ăn cỏ của Newton). *Có 3 cánh đồng cỏ như nhau & cỏ luôn mọc đều như nhau trên toàn bộ cánh đồng. 9 con bò ăn hết số cỏ có sẵn & số cỏ mọc thêm của cánh đồng I trong 2 tuần, 6 con bò ăn hết số cỏ có sẵn & số cỏ mọc thêm của cánh đồng II trong 4 tuần. Hỏi bao nhiêu con bò ăn hết cỏ có sẵn & số cỏ mọc thêm của cánh đồng II trong 6 tuần? (mỗi con bò đều ăn số cỏ như nhau).*

Bài toán 107 (Bình, 2022, 326., p. 56). *Chia dãy số tự nhiên kể từ 1 thành từng nhóm (các số cùng nhóm được đặt trong dấu ngoặc) (1), (2, 3), (4, 5, 6), (7, 8, 9, 10), (11, 12, 13, 14, 15), ... (a) Tìm số hạng đầu tiên của nhóm thứ 100. (b) Tính tổng các số thuộc nhóm thứ 100.*

Bài toán 108 (Bình, 2022, 327., p. 56). Cho $S_1 = 1 + 2$, $S_2 = 3 + 4 + 5$, $S_3 = 6 + 7 + 8 + 9$, $S_4 = 10 + 11 + 12 + 13 + 14, \dots$ Tính S_{100} .

Bài tập phụ thuộc vào hình vẽ: Bình, 2022, 328.–331., p. 57.
pause here ...

Bài toán 109 (Bình, 2022, 230., p. 49). Tính số hạng thứ 50 của các dãy sau: (a) $1 \cdot 6, 2 \cdot 7, 3 \cdot 8, \dots$; (b) $1 \cdot 4, 4 \cdot 7, 7 \cdot 10, \dots$

Bài toán 110 (Bình, 2022, 231., p. 49). Cho $A = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{20} = \sum_{i=0}^{20} 3^i$, $B = 3^{21} : 2$. Tính $B - A$.

Bài toán 111 (Bình, 2022, 232., p. 49). Cho $A = 1 + 4 + 4^2 + 4^3 + \dots + 4^{99}$, $B = 4^{100}$. Chứng minh rằng $A < \frac{B}{3}$.

Bài toán 112 (Bình, 2022, 233., p. 49). Tính giá trị của biểu thức:

$$(a) A = 9 + 99 + 999 + \dots + \underbrace{9 \dots 9}_{50's}; \quad (b) B = 9 + 99 + 999 + \dots + \underbrace{9 \dots 9}_{200's}.$$

7 Đếm số

Bài toán 113 (Bình, 2022, Ví dụ 43, p. 49). Có bao nhiêu số \overline{abcd} mà $\overline{ab} < \overline{cd}$?

Bài toán 114 (Bình, 2022, Ví dụ 44, p. 49). Có bao nhiêu số tự nhiên chia hết cho 4 gồm 4 chữ số, chữ số tận cùng bằng 2?

Lưu ý 7.1. “Nếu việc chọn đối tượng A có thể thực hiện bởi m cách \mathcal{E} với mỗi cách chọn của A có thể chọn đối tượng B bởi n cách thì việc chọn A & B theo thứ tự đó có thể thực hiện bởi mn cách chọn.” – Bình, 2022, p. 50 Quy tắc nhân trong phép đếm \mathcal{E} khái niệm tổ hợp, chỉnh hợp sẽ được học ở môn Tổ hợp, trong chương trình Toán 10.

Bài toán 115 (Bình, 2022, Ví dụ 45, p. 50). Có bao nhiêu số tự nhiên có 4 chữ số \overline{abcd} , trong đó $b - a = 1$, $d - c = 1$?

Bài toán 116 (Bình, 2022, Ví dụ 46, p. 50). Có bao nhiêu số tự nhiên có 3 chữ số trong đó có đúng 1 chữ số 5?

“Trong nhiều trường hợp, để đếm các số có tính chất nào đó, ta lại đếm trước hết các số không có tính chất ấy.” – Bình, 2022, p. 51

Bài toán 117 (Bình, 2022, Ví dụ 47, p. 50). Có bao nhiêu số chứa ít nhất 1 chữ số 1 trong các số tự nhiên: (a) có 3 chữ số; (b) từ 1 đến 999.

Bài toán 118 (Bình, 2022, Ví dụ 48, p. 51). Viết 999 số tự nhiên liên tiếp kể từ 1. Hỏi: (a) Chữ số 2 có mặt bao nhiêu lần? (b) Chữ số 0 có mặt bao nhiêu lần?

Bài toán 119 (Bình, 2022, 234., p. 52). Bạn Tâm đánh số trang của 1 cuốn vở có 110 trang bằng cách viết dãy số tự nhiên 1, 2, ..., 110. Bạn Tâm phải viết tất cả bao nhiêu chữ số?

Bài toán 120 (Bình, 2022, 235., p. 52). 1 cô nhân viên đánh máy liên tục dãy số chẵn bắt đầu từ 2: 2, 4, 6, 8, 10, 12, ... Cô phải đánh tất cả 2000 chữ số. Tìm chữ số cuối cùng mà cô đã đánh.

Bài toán 121 (Bình, 2022, 236., p. 52). Bạn Mai viết dãy số lẻ 1, 3, 5, ..., 245. (a) Bạn Mai phải viết tất cả bao nhiêu chữ số? (b) Nếu mỗi chữ số viết mất 1 giây thì viết đến số 245 mất bao nhiêu giây? Sau 5 phút, bạn Mai viết đến chữ số nào?

Bài toán 122 (Bình, 2022, 237., p. 52). Bạn Hùng viết dãy số lẻ 1, 3, 5, 7, ... để đánh số trang 1 cuốn sách. Tính xem chữ số 200 mà bạn Hùng viết là chữ số nào?

Bài toán 123 (Bình, 2022, 238., p. 52). Để đánh số trang của 1 cuốn sách, người ta viết dãy số tự nhiên bắt đầu từ 1 & phải dùng tất cả 1998 chữ số. (a) Hỏi cuốn sách có bao nhiêu trang? (b) Chữ số thứ 1010 là chữ số nào?

Bài toán 124 (Bình, 2022, 239., p. 52). Có bao nhiêu số tự nhiên chia hết cho 3, có 4 chữ số & tận cùng bằng 5?

Bài toán 125 (Bình, 2022, 240., pp. 52–53). Tuấn muốn đến nhà bạn, nhưng không nhớ số nhà, chỉ biết rằng số nhà của bạn là số chia hết cho 3 & có 2 chữ số. Biết số nhà cuối của dãy phố đó là 135. Hỏi Tuấn phải gõ cửa nhiều nhất bao nhiêu số nhà? (các số nhà không đánh số a, b, ...).

Bài toán 126 (Bình, 2022, 241., p. 53). Tìm số lượng các số tự nhiên có 4 chữ số mà: (a) Số tạo bởi 2 chữ số đầu (theo thứ tự ấy) cộng với số tạo bởi 2 chữ số cuối (theo thứ tự ấy) nhỏ hơn 100. (b) Số tạo bởi 2 chữ số đầu (theo thứ tự ấy) lớn hơn số tạo bởi 2 chữ số cuối (theo thứ tự ấy)?

Bài toán 127 (Bình, 2022, 242., p. 53). Trong các số tự nhiên từ 1 đến 252, xóa các số chia hết cho 2 nhưng không chia hết cho 5, rồi xóa các số chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 2. Còn lại bao nhiêu số?

Bài toán 128 (Bình, 2022, 243., p. 53). Có bao nhiêu số tự nhiên có 3 chữ số mà: (a) Các chữ số đều chẵn? (b) Chữ số hàng chục là chữ số lẻ?

Bài toán 129 (Bình, 2022, 244., p. 53). Có bao nhiêu số tự nhiên có 4 chữ số mà: (a) Mỗi chữ số đều chẵn? (b) Tổng các chữ số là số chẵn?

Bài toán 130 (Bình, 2022, 245., p. 53). Có bao nhiêu biểu số xe máy khác nhau, mỗi số xe lập bởi 2 chữ cái đứng đầu & 3 chữ số đứng sau? (bảng chữ cái có 25 chữ, không có biểu số 000).

Bài toán 131 (Bình, 2022, 246., p. 53). Trong các số tự nhiên có 3 chữ số, có bao nhiêu số: (a) Chứa đúng 1 chữ số 4? (b) Chứa đúng 2 chữ số 4?

Bài toán 132 (Bình, 2022, 247., p. 53). Có bao nhiêu số tự nhiên chia hết cho 5, có 4 chữ số, có đúng 1 chữ số 5?

Bài toán 133 (Bình, 2022, 248., p. 53). Có bao nhiêu số tự nhiên có 3 chữ số, biết rằng cộng nó với số gồm 3 chữ số ấy viết theo thứ tự ngược lại thì được 1 số chia hết cho 5?

Bài toán 134 (Bình, 2022, 249., p. 53). Có bao nhiêu số chẵn có 3 chữ số, các chữ số khác nhau?

Bài toán 135 (Bình, 2022, 250., p. 53). Có bao nhiêu số tự nhiên có 3 chữ số trong đó có ít nhất 2 chữ số như nhau?

Bài toán 136 (Bình, 2022, 251., p. 53). Trong các số tự nhiên có 4 chữ số, có bao nhiêu số trong đó có đúng 3 chữ số như nhau?

Bài toán 137 (Bình, 2022, 252., p. 53). Trong các số tự nhiên có 3 chữ số, có bao nhiêu số: (a) Chia hết cho 5, có chứa chữ số 5? (b) Chia hết cho 4, có chứa chữ số 4? (c) Chia hết cho 3, không chứa chữ số 3?

Bài toán 138 (Bình, 2022, 253., p. 54). Viết liên tiếp các số tự nhiên từ 1 đến 999 ta được 1 số tự nhiên A. (a) Số A có bao nhiêu chữ số? (b) Tính tổng các chữ số của số A.

Bài toán 139 (Bình, 2022, 254*, p. 54). Viết dãy số tự nhiên từ 1 đến 999. (a) Chữ số 1 được viết bao nhiêu lần? (b) Chữ số 0 được viết bao nhiêu lần?

Bài toán 140 (Bình, 2022, 255., p. 54). Trong các số tự nhiên có 3 chữ số, có bao nhiêu số chứa ít nhất 1 chữ số 4?

Bài toán 141 (Bình, 2022, 256*, p. 54). Trong các số tự nhiên từ 1 đến 10000: (a) Có bao nhiêu số chứa chữ số 0? (b) Số chứa chữ số 1 hay số không chứa chữ số 1 có nhiều hơn?

Bài toán 142 (Bình, 2022, 257., p. 54). Viết dãy số chẵn 100, 102, ..., 390. Hỏi chữ số 2 được viết bao nhiêu lần?

Bài toán 143 (Bình, 2022, 258., p. 54). Từ các chữ số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, lập tất cả các số tự nhiên có 7 chữ số trong đó mỗi chữ số trên đều có mặt. Chứng minh rằng tổng tất cả các số đó chia hết cho 9.

Bài toán 144 (Bình, 2022, 259., p. 54). Cho 3 chữ số a, b, c khác nhau & khác 0. Gọi A là tập hợp các số tự nhiên có 3 chữ số lập bởi cả 3 chữ số trên. (a) Tập hợp A có bao nhiêu phần tử? (b) Tính tổng các phần tử của tập hợp A, biết rằng $a + b + c = 17$.

Bài toán 145 (Bình, 2022, 260., p. 54). Từ các chữ số 1, 2, 3, 4, lập tất cả các số tự nhiên mà mỗi chữ số trên đều có mặt đúng 1 lần. Tìm tổng các số ấy.

Bài toán 146 (Bình, 2022, 261., p. 54). Tìm tổng các số tự nhiên có 3 chữ số lập bởi các chữ số 2, 3, 0, 7 trong đó: (a) Các chữ số có thể giống nhau; (b) Các chữ số đều khác nhau.

Tài liệu

Bình, Vũ Hữu (2022). *Nâng Cao & Phát Triển Toán 6, tập 1*. Tái bản lần thứ nhất. Kết nối tri thức với cuộc sống. Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam, p. 200.

Tuyên, Bùi Văn (2022). *Bài Tập Nâng Cao & Một Số Chuyên Đề Toán 6*. Tái bản lần thứ 1. Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam, p. 184.